

Bài 46

MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

– Phân biệt được một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp (TCLTCN).

– Thấy được sự phát triển từ thấp lên cao của các hình thức này.

2. Về kĩ năng

Nhận diện được những đặc điểm chính của TCLTCN.

3. Về thái độ, hành vi

– Biết được các hình thức TCLTCN ở Việt Nam và địa phương.

– Ủng hộ và có những đóng góp tích cực trong các hình thức TCLTCN cụ thể ở địa phương (điểm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất...).

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Sơ đồ các hình thức TCLTCN chủ yếu (phóng to theo SGK hoặc dùng máy chiếu hình).

– Các tranh ảnh, băng hình về các hình thức này ở trên thế giới, ở Việt Nam hay ở địa phương.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Những kiến thức trọng tâm

– Điểm công nghiệp : hình thức TCLTCN đơn giản nhất.

– Khu công nghiệp tập trung : hình thành và phát triển trong thời kì công nghiệp hoá.

- Trung tâm công nghiệp : hình thức TCLTCN ở trình độ cao.
- Vùng công nghiệp : hình thức cao nhất của TCLTCN.

Đây là bài tương đối khó. Khi lên lớp, GV cần sưu tầm thêm các tư liệu, tranh ảnh minh hoạ cho các hình thức TCLTCN trong bài, nhất là các hình thức đang phổ biến ở Việt Nam và địa phương. GV có thể tham khảo cuốn "*Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam*", sách bồi dưỡng thường xuyên, NXB Giáo dục, 2000.

- GV chú ý rằng TCLTCN là một bộ phận của tổ chức lãnh thổ nền kinh tế – xã hội, nhằm mục đích đạt được hiệu quả cao nhất về kinh tế – xã hội và môi trường ; tạo cơ sở để phát triển chuyên môn hoá, tập trung hoá và liên hợp hoá, đảm bảo sự kết hợp đa ngành, sự phát triển bền vững theo lãnh thổ.

- Các hình thức TCLTCN rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên thực tiễn giữa các nước có sự khác nhau. Các hình thức TCLTCN chủ yếu là điểm công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, vùng công nghiệp. Còn ở Việt Nam, cho đến nay đã và đang hình thành các hình thức TCLTCN sau đây : điểm công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, dải công nghiệp và địa bàn trọng điểm công nghiệp. Trong phạm vi bài học, chỉ đề cập 4 hình thức cơ bản và quan trọng nhất.

- Khi giảng về các hình thức cụ thể, GV chỉ nên tập trung vào 3 ý chính : vị trí trong hệ thống TCLTCN, vai trò đối với sự phát triển kinh tế – xã hội, đặc điểm tiêu biểu của từng hình thức. GV cố gắng liên hệ với thực tiễn của Việt Nam và với địa phương.

1.1. Điểm công nghiệp

- Điểm công nghiệp thường có một hoặc hai, ba xí nghiệp phân bố ở nơi có nguồn nguyên liệu với chức năng khai thác hay sơ chế nguyên liệu hoặc ở những điểm dân cư nằm trong một vùng nguyên liệu nông, lâm, thuỷ sản nào đó. Các xí nghiệp thường phân bố lẻ tẻ, phân tán và cùng sử dụng cơ sở hạ tầng với khu dân cư. Giữa các xí nghiệp ít hoặc không có mối liên hệ sản xuất. Ở những nơi có điều kiện phát triển, điểm công nghiệp có thể là hạt nhân để hình thành cụm công nghiệp hay khu công nghiệp. Ví dụ, các điểm công nghiệp chế biến chè ở Mộc Châu (Sơn La), chế biến cà phê ở Tây Nguyên...

- Trong hình thức điểm công nghiệp, có khái niệm xí nghiệp công nghiệp. Đây là đơn vị cơ sở của sự phân công lao động về mặt địa lí. Các xí nghiệp có tính chất độc lập về kinh tế, có công nghệ sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

Do tính chất và đặc điểm kinh tế – kĩ thuật của các ngành công nghiệp khác nhau mà quy mô của các xí nghiệp cũng khác nhau. Có xí nghiệp chỉ có vài chục hoặc vài trăm công nhân (như chế biến nông sản, cưa xẻ...) và bố trí gọn trong một toà nhà, nhưng cũng có xí nghiệp thu hút hàng nghìn công nhân, gồm nhiều công trình, nhà xưởng, diện tích tương đối lớn (xí nghiệp khai thác...). Hiện nay, do sự tiến bộ của khoa học – kĩ thuật, số lượng các xí nghiệp có quy mô lớn ở tất cả các ngành tăng lên nhanh chóng.

1.2. Khu công nghiệp tập trung (gọi tắt là khu công nghiệp)

– Khu công nghiệp tập trung (KCN) đã được hình thành và phát triển ở các nước tư bản vào những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. KCN được hiểu là một khu vực đất đai có ranh giới nhất định do nhà tư bản sở hữu, trước hết là xây dựng cơ sở hạ tầng, sau đó là xây dựng các xí nghiệp để bán. Việc hình thành các KCN là tất yếu trong từng giai đoạn lịch sử ở các quốc gia khác nhau. Các nước tư bản muốn thông qua việc xây dựng các KCN để tăng cường xuất khẩu tư bản trong nước ra thị trường nước ngoài, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, khai thác triệt để các nguồn tài nguyên và lao động của các nước.

– Đối với các nước đang phát triển, đang trong giai đoạn công nghiệp hoá với chiến lược công nghiệp hướng về xuất khẩu, trên cơ sở thu hút vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lí của các nước công nghiệp phát triển, các KCN, khu chế xuất (KCX) đã hình thành. KCN ở các nước châu Á và ASEAN xuất hiện từ những năm 50 của thế kỉ XX như Xin-ga-po (1951), Ma-lai-xi-a (1954), Ấn Độ (1966)... KCN được chia ra hai loại : KCN tổng hợp và KCX. KCN tổng hợp là để bố trí các cơ sở sản xuất dành cho xuất khẩu hoặc tiêu dùng trong nước, KCX là để bố trí các cơ sở công nghiệp chỉ dành cho xuất khẩu.

– Đặc điểm chính của KCN và KCX là :

- + Có ranh giới rõ ràng, quy mô đất đai đủ lớn (từ 50 ha trở lên cho đến vài trăm ha), không có dân cư sinh sống, sử dụng chung cơ sở hạ tầng sản xuất và xã hội.
- + Có vị trí địa lí thuận lợi (gần các sân bay, bến cảng, đường sắt, đường quốc lộ).
- + Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp công nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao, được hưởng quy chế ưu đãi riêng khác với các xí nghiệp phân bố ngoài KCN (sử dụng đất, thuế quan, chuyển đổi ngoại tệ...).
- + Chi phí sản xuất thấp, nhất là chi phí nhân công, nguyên liệu và vận tải.
- + Dịch vụ trọn gói.
- + Môi trường chính trị và luật pháp ổn định.

– Liên hệ thực tiễn Việt Nam : việc xây dựng các KCN và KCX có ý nghĩa đặc biệt trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong Nghị định 192/CP ngày 25 – 12 – 1994 của Chính phủ đã nêu : KCN có ranh giới địa lí xác định, chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp, không có dân cư sinh sống.

Cho đến hết tháng 7 – 2002, cả nước có 68 KCN và 4 KCX (KCX Tân Thuận, KCX Linh Trung 1, KCX Linh Trung 2, KCX Đà Nẵng) và 1 khu công nghệ cao (Hoà Lạc), với tổng diện tích đất tự nhiên trên 15.800 ha, trong đó diện tích đất có thể cho thuê là 9137 ha với 1058 dự án nước ngoài và 888 dự án đầu tư trong nước. Tổng số vốn đầu tư là 8,9 tỉ USD và gần 41 nghìn tỉ đồng Việt Nam, thu hút trên 292.000 lao động (Nguồn : Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Các KCN, KCX đã, đang và sẽ thu hút vốn đầu tư ở trong và ngoài nước, sản xuất ra nhiều sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tạo thêm việc làm và nâng cao chất lượng lao động, mở rộng việc chuyển giao công nghệ tiên tiến, góp phần hình thành các đô thị mới và giảm bớt chênh lệch giữa các vùng.

1.3. Trung tâm công nghiệp

Có thể phân biệt trung tâm công nghiệp (TTCN) bởi một số đặc điểm sau :

– TTCN là các đô thị vừa và lớn, công nghiệp là ngành chủ chốt và là ngành chuyên môn hoá của các đô thị này.

– TTCN bao gồm các KCN và nhiều xí nghiệp thuộc một vài ngành có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất, kĩ thuật, kinh tế và quy trình công nghệ. Đây là đặc điểm cơ bản nhất.

– Nhóm xí nghiệp nông cốt (hạt nhân) là bộ khung của TTCN thường gồm một số xí nghiệp lớn và cũng có thể là một xí nghiệp liên hợp. Hướng chuyên môn hoá của TTCN do nhóm xí nghiệp này quyết định. Các xí nghiệp nông cốt được hình thành và phát triển dựa trên các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, động lực, nguồn lao động dồi dào, vị trí địa lí thuận lợi.

Gắn với nhóm xí nghiệp nông cốt là hàng loạt các xí nghiệp bổ trợ nhằm sử dụng các thành phẩm hoặc phế thải của xí nghiệp nông cốt, cung cấp tư liệu sản xuất và bổ trợ cho các xí nghiệp phục vụ, hoặc đảm bảo cho nhu cầu dân cư.

Ở Việt Nam, do tính chất và trình độ phát triển mà có thể chia ra các TTCN lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng ; các TTCN cấp thấp hơn như Đà Nẵng, Cần Thơ, Việt Trì... Có trung tâm đa ngành (Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội), có trung tâm chuyên môn hoá một hay một vài loại sản phẩm như gang thép và cơ khí (Thái Nguyên), dệt (Nam Định)...

1.4. Vùng công nghiệp

Đây là hình thức cao nhất của TCLTCN.

GV phân biệt vùng ngành và vùng tổng hợp.

– *Vùng công nghiệp ngành* : cơ chế hình thành của nó thể hiện ở chỗ mỗi ngành công nghiệp lựa chọn cho mình phần lãnh thổ tốt nhất về các nguồn lực (tự nhiên, kinh tế...), đáp ứng được các yêu cầu về kinh tế – kĩ thuật và các yếu tố phân bố sản xuất. Như vậy, vùng công nghiệp ngành là tập hợp về lãnh thổ các xí nghiệp cùng loại. Các vùng công nghiệp ngành thường gặp là vùng khai thác than, dầu khí, luyện kim, hoá chất.

– *Vùng công nghiệp tổng hợp* : về lí thuyết các vùng công nghiệp ngành có thể chồng chéo lên nhau và trở nên thành phần của vùng công nghiệp tổng hợp. Vùng công nghiệp tổng hợp không phải là tổng của vùng ngành mà là vùng hoàn toàn mới về chất, bởi vì tập hợp của các ngành theo lãnh thổ sẽ có các điều kiện và đặc điểm phân bố sản xuất khác xa so với từng ngành riêng lẻ.

Vùng công nghiệp tổng hợp thường gọi là vùng công nghiệp, là một kết hợp sản xuất lãnh thổ với chuyên môn hoá và cấu trúc sản xuất rõ rệt. GV nhấn mạnh cho HS vùng công nghiệp trong bài chính là vùng công nghiệp tổng hợp. Các đặc điểm chính là :

- + Có không gian rộng lớn, trong đó bao gồm nhiều xí nghiệp, cụm công nghiệp, KCN, TTCN có mối liên hệ về sản xuất.
- + Có một số nhân tố tương đồng trong quá trình hình thành vùng công nghiệp (sử dụng chung một vài loại tài nguyên, tạo nên tính chất tương đối giống nhau của các ngành công nghiệp, cùng có vị trí địa lí thuận lợi, cùng sử dụng lao động, cơ sở hạ tầng, hệ thống năng lượng...)
- + Có một vài ngành công nghiệp chủ đạo, tạo nên hướng chuyên môn hoá của vùng, trong đó có một hạt nhân tạo vùng, thường là một TTCN lớn.
- + Có các ngành công nghiệp phục vụ và bổ trợ.
- + Sản xuất mang tính chất hàng hoá, đáp ứng nhu cầu thị trường ở trong và ngoài vùng.

2. Phương pháp dạy học

- Đàm thoại gợi mở.
- Sơ đồ hoá.
- Sử dụng tranh ảnh và tài liệu thực tế.
- Câu hỏi trắc nghiệm khi tổng kết bài học.

IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

Sử dụng phần mở đầu trong SGK.

2. Tổ chức dạy học

a) Để dạy bài học này một cách sinh động, GV nên cho HS sưu tầm các tài liệu, hình ảnh, kết hợp với đưa ra các ví dụ cụ thể của Việt Nam và địa phương về từng hình thức TCLTCN.

GV chú ý kết hợp với các sơ đồ của từng hình thức trong SGK để làm rõ đặc điểm (hay các dấu hiệu) của chúng.

b) GV xây dựng một khung bảng kiến thức theo mẫu bài tập cuối bài, kết hợp với phát vấn, khai thác tri thức từ SGK để trình bày bài giảng cho dễ hiểu lại có hiệu quả cao.